

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-PT
Ngày 13/3/2025
V/v: *tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Bích Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2024/TLPT- DS, ngày 30 tháng 10 năm 2024, về “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 341/2024/QĐ - PT, ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: ông Hà Thanh V, sinh năm 1978. Địa chỉ: tổ I, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có đơn vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Phan Hoàng D (Công ty L) thuộc đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Út N, sinh năm 1980. Địa chỉ: tổ F, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nơi ở hiện nay : tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có đơn vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 01/7/2024 ông Hà Thanh V là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/02/2022 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H có viết tờ biên nhận với nội dung xác nhận có nợ ông V số tiền là 316.000.000 đồng (ba trăm mười sáu triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, bà H và ông Út N hứa đến ngày 29/6/2022 âm lịch trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và đến ngày 29/9/2022 âm lịch trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền còn lại 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng) sẽ trả vào tháng 01/2023 âm lịch.

Sau đó ông Út N và bà H đã trả cho ông V nhiều lần được 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), còn lại 251.000.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu đồng) đến nay không trả. Ông V đã nhiều lần nhắc nhở ông Út N và bà H trả tiền nhưng đến nay vẫn không trả.

Nay ông V yêu cầu giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông V số tiền gốc là 251.000.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 02/02/2022 âm lịch đến ngày 02/6/2024 âm lịch là: $251.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 58.332.400 \text{ đồng}$ (năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng), tổng cộng là 309.332.400 đồng (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và trả lãi phát sinh đến khi trả nợ xong.

Tại bản khai ngày 31/7/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn Út N trình bày:

Ông Nguyễn Văn Út N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Văn V1, vì ông Út N không nhận của ông V1 số tiền 251.000.000 đồng. Ông xác định số tiền này là giao dịch giữa ông V1 và vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim H, ông không tham gia, không liên quan.

Tại biên bản hoà giải ngày 05/8/2024 bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn trình bày:

Bà H vay tiền của ông V1 từ năm 2020, lấy tiền nhiều lần, mỗi tháng đóng lãi một lần, không có tiền đóng lãi thì tiền lãi chuyển sang tiền gốc rồi đến tháng đóng lãi. Bà H cho rằng bà chỉ nợ ông V1 số tiền gốc 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), số tiền còn lại là nợ lãi. Bà H đồng ý trả nợ gốc 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và xin không đóng lãi. Tuy nhiên bà H không cung cấp được chứng cứ chỉ có nợ ông V1 120.000.000 đồng.

Bà H thừa nhận biên nhận nợ số tiền là 316.000.000 đồng (ba trăm mười sáu triệu đồng) do nguyên đơn cung cấp bà có ký tên và ghi họ tên, bà có hứa trả 3 lần vào các ngày 29/6/2022 âm lịch trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và đến ngày 29/9/2022 âm lịch trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền còn lại 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng) sẽ trả vào tháng 01/2023 âm lịch, chữ chồng phía dưới biên nhận do bà V2, còn tên Nguyễn Văn Út N và chữ ký tên thì bà không biết ai viết và ai ký tên. Phía sau tờ biên nhận các lần trả tiền là do

bà viết và trả tiền gốc chứ không phải là tiền lãi. Bà H không đồng ý trả ông V1 số tiền gốc 251.000.000 đồng và tiền lãi 58.332.400đ.

Tại phiên hoà giải ngày 05/8/2024 bà H đồng ý trả ông V1 tiền gốc 251.000.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu đồng) và đồng ý trả một mình, không đồng ý buộc ông Út N cùng bà trả nợ, vì ông Út N không biết khoản nợ này.

Về tiền lãi ông V1 yêu cầu 58.332.400 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng) bà H không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61 /2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh V;

Buộc ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H trả cho ông H1 thanh V số tiền 251.000.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu đồng) và tiền lãi là 79.198.000 đồng (bảy mươi chín triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng 330.198.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 28/8/2024 ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo:

Ông Út N không đồng ý cùng với bà H trả nợ cho ông V vốn, lãi là 330.198.000đ như bản án sơ thẩm đã tuyên, vì việc vay tiền do bà H giao dịch với ông V, ông Út N không tham gia vay tiền nên không có liên quan.

Bà H kháng cáo không đồng ý trả ông V tiền lãi 79.198.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Nguyễn Thị Kim H thống nhất trả nguyên đơn ông Hà Thanh V tiền vốn 251.000.000đ, phần tiền lãi Tòa án cấp phúc thẩm tính bao nhiêu đồng ý trả bấy nhiêu. Tuy nhiên bà không đồng ý việc buộc ông Nguyễn Văn Út N liên đới trả nợ, vì ông N không biết khoản nợ này.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: nguyên đơn ông V không đồng ý kháng cáo của các bị đơn. Ông V yêu cầu ông N và bà H có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn 251.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Út N. Sửa án sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn Út N liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim H trả ông Hà Thanh V tiền gốc và lãi là 289.401.400đ.

Về án phí phúc thẩm: ông N và bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: ngày 20/8/2024 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 28/8/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Út N kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H;

[1] Xét thấy, theo biên nhận nợ đề ngày 02/02/2022 âm lịch thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị Kim H có nợ ông Hà Thanh V số tiền mượn là 316.000.000đ, hứa đến ngày 29/6/2022 âm lịch trả 100.000.000đ, ngày 29/9/2022 âm lịch trả 100.000.000đ, phần còn lại đến tháng 01/2023 âm lịch là trả đủ, biên nhận có chữ ký của ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H. Bà H thừa nhận chữ ký tại biên nhận nợ là của bà H và thừa nhận có nợ ông V số tiền 316.000.000đ. Sau khi ký biên nhận, bà H không trả nợ như đã hứa mà thực hiện trả dần 05 lần với số tiền 65.000.000 đồng, còn nợ lại 251.000.000đ bà H thừa nhận và đồng ý trả cho ông V số tiền 251.000.000đ, tuy nhiên bà H không đồng ý trả tiền lãi.

Bà H cho rằng trong số tiền 316.000.000đ bà chỉ nợ gốc 120.000.000đ, còn lại 196.000.000đ là tiền lãi nhập vào, nay tiếp tục tính lãi thêm 79.198.000đ như án sơ thẩm bà H không đồng ý. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong số tiền 316.000.000đ có 196.000.000đ tiền lãi. Ông V không thừa nhận, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H trong số tiền 316.000.000đ có 196.000.000đ tiền lãi.

[2] Về mức lãi suất, theo nội dung biên nhận, các bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận thời hạn trả nợ, ông V cho rằng lãi suất 2%/tháng, bà H cho rằng lãi suất 10%, nhưng các bên không có chứng cứ chứng minh về việc hai bên có thỏa thuận lãi suất. Sau khi ký biên nhận thì bà H không trả nợ theo cam kết mà trả dần 05 lần với số tiền 65 triệu đồng, điều đó thể hiện ông V cũng đồng ý cho bà H trả dần, bà H trả đến ngày 16/01/2023 âm lịch (16/02/2023 dương lịch) thì ngưng. Như vậy bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi từ ngày 17/02/2023 với mức lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm (0,83%/tháng) đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2024 (18 tháng 03 ngày) là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 20%/năm là chưa đúng quy định của pháp luật nên cần phải sửa án về mức lãi suất. Tiền lãi được tính: 251.000.000đ x 0,83% x 18 tháng 03 ngày = 37.707.730đ (làm tròn 37.707.000đ). Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H về phần tiền lãi, buộc bà H có nghĩa vụ trả ông V tiền lãi 37.707.000đ.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Út N: ông N cho rằng ông không vay mượn tiền của ông V, chữ ký tại biên nhận do bà H ký thay, tuy nhiên ông N và bà H là vợ chồng đang chung sống với nhau theo đơn xác nhận ngày 05/02/2025 của chính quyền địa phương. Khoản tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà H trình bày mục đích vay tiền để sử dụng sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó án sơ thẩm buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Út N, sửa án sơ thẩm về phần tiền lãi. Buộc bà H và ông N có nghĩa vụ liên đới trả ông V tiền vốn 251.000.000đ, tiền lãi 37.707.000đ, tổng cộng 288.707.000đ như đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do sửa án về phần tiền lãi nên sửa lại án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả nguyên đơn: $288.707.000đ \times 5\% = 14.435.350đ$ (làm tròn 14.435.000đ).

[8] Án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hoàn trả lại cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Út N;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long về phần tiền lãi.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh V;

1. Buộc ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả ông Hà Thanh V tiền gốc 251.000.000đ, tiền lãi 37.707.000đ, tổng cộng 288.707.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 14.435.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả ông Hà Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.733.000 đồng (bảy triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013561 ngày 09/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả ông Nguyễn Văn Út N và bà Nguyễn Thị Kim H mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0000001 và 0000002 cùng ngày 30/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình